|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  **TỈNH HÀ NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /NQ-HĐND  **DỰ THẢO** | *Hà Nam, ngày tháng năm 2024* |

**NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu**

**đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với**

**đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

**KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ..........**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Thông qua mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ; ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thống nhất với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Cụ thể:**

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất** |
| **1** | Khu vực thành phố Phủ Lý *(dự án ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư)* | **1,3** |
| **2** | Khu vực thị xã Duy Tiên *(dự án ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư)* | **1,2** |
| **3** | Khu vực các thị trấn; Khu vực các đường giao thông Quốc lộ *(dự án ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư)* | **1,2** |
| **4** | Khu vực các đường giao thông Tỉnh lộ *(dự án ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư)* | **1,1** |
| **5** | Khu vực còn lại *(dự án ngoài khu vực quy định tại mục 1,2,3,4 và ngoài các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư)* | **1,0** |
| 6 | Đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản | 1,0 |
| 7 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp |  |
| 7.1 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đầu tư hạ tầng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước | 1,0 |
| 7.2 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có thu tiền đầu tư hạ tầng của các đối tượng thuê đất | 0,5 |
| 7.3 | Đối với khu công nghiệp và cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp doanh nghiệp tự đầu tư hạ tầng | 0,5 |
| 8 | Đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư theo quy định của pháp luật |  |
| 8.1 | Địa bàn huyện Thanh Liêm, Lý Nhân, Bình Lục | 0,5 |
| 8.2 | Các địa bàn còn lại | 0,75 |

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm

Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm *(không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất)* theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai được tính như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định 103/2024/NĐ-CP, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá đất có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

**Điều 2**. **Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam và tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khoá XIX, Kỳ họp thứ mười ............... *(Kỳ họp chuyên đề)* thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Bộ Tài chính;  - TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;  - UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh;  - Các Ban, các Tổ, các ĐB HĐND tỉnh;  - Các Sở: Tài chính, TN và MT, LĐ-TB và XH, NN và PTNT, Tư pháp;  - TTHĐND; UBND các huyện, TX, TP;  - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH**  **Lê Thị Thủy** |